

QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*

1. Nằm ở giữa ngã ba con đường của Đông Nam Á và trông ra biển Đông, Việt Nam vì vậy là cầu nối từ Ấn Độ Dương qua Thái Bình Dương, từ Tây sang Đông, từ phần lục địa tới hải đảo. Vị trí địa lí ấy không chỉ thuận tiện cho thương mại mà còn thuận tiện cho việc truyền giáo vào xứ sở này. Từ đầu Công nguyên, Việt Nam đã tiếp nhận Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Có mặt ở Việt Nam, các tôn giáo này đã cùng tồn tại một cách hoà bình và có những đóng góp quan trọng cho nền văn hoá dân tộc Việt Nam. Có thể nói, nền văn hoá các triều đại Đinh - Lê - Lý - Trần (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV) là nền văn hoá thấm đậm tinh thần của Phật giáo. Các triều đại Lê - Nguyễn (từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XIX) sử dụng Nho giáo là hệ tư tưởng trị nước. Nho sĩ là tầng lớp trụ cột xây dựng và phát triển đất nước.

Ở mỗi triều đại của nhà nước phong kiến Việt Nam, có thể một tôn giáo nào đó được đề cao, song các tôn giáo khác không phải vì thế mà bị kì thị. Dân tộc Việt Nam có truyền thống khoan dung, chấp nhận sự tồn tại của cả ba tôn giáo (Tam giáo đồng hành), coi ba tôn giáo cùng một nguồn mà ra (Tam giáo đồng nguyên), tôn trọng cả ba tôn giáo (Tam giáo đồng tôn).

Các thời Đinh - Lê - Lý - Trần, những vị tinh thông Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) đều được tuyển chọn làm việc trong triều đình. Năm 1195, dưới triều vua Lý Cao Tông, khoa thi Tam giáo đầu tiên được tổ chức. Những cơ sở thờ Tam giáo cũng thấy xuất hiện. Trên điện thờ là sự hiện diện các vị thần của ba tôn giáo. Cho đến hiện nay, tình trạng trên vẫn thấy tồn tại ở nhiều nơi.

Các tôn giáo ở Việt Nam tồn tại theo phương châm "Hoà nhi bất đồng" (*hoà hợp vào nhau mà không đồng hoá nhau*). Đồng thời, các tôn giáo hoà nhập với tín ngưỡng dân gian Việt Nam, góp phần nâng cao, linh thiêng hoá tín ngưỡng bản địa.

Từ thế kỉ XVII, trên đất nước Việt Nam xuất hiện sự xâm nhập của đạo Công giáo. Trước đó là sự xâm nhập của Islam giáo trong cộng đồng dân tộc

* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Chăm. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là sự truyền bá của đạo Tin Lành. Công giáo, Islam giáo, Tin Lành giáo là những tôn giáo độc thân. Các tôn giáo này, nhất là Công giáo và Tin Lành giáo, không chấp nhận các tôn giáo truyền thống và tín ngưỡng dân gian nên dẫn đến sự xung đột văn hoá và phản ứng của nhà nước phong kiến cũng như nhân dân. Song, trong quá trình tồn tại và phát triển, các tôn giáo này dần dần có sự hội nhập với văn hoá dân tộc Việt Nam và có những đóng góp nhất định cho văn hoá Việt Nam mà việc tạo ra chữ Quốc ngữ của đạo Công giáo là một ví dụ điển hình.

Nửa đầu thế kỉ XX, ở vùng đất Nam Bộ của Việt Nam xuất hiện hai tôn giáo mới là đạo Cao Đài và Phật giáo Hoà Hảo. Hai tôn giáo này tuy tuổi đời còn trẻ so với các tôn giáo truyền thống nhưng đã có những đóng góp nhất định đối với văn hoá dân tộc, làm phong phú thêm đời sống tâm linh của cư dân Nam Bộ nói riêng và của Việt Nam nói chung.

2. Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo thiên tài của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo là rất rõ ràng và đúng đắn. Điều này thể hiện cụ thể trong “Luận cương Chính trị” của Đảng (tháng 10/1930), trong các nghị quyết và chính sách của Đảng suốt chặng đường 15 năm đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).

Nhờ đường lối, quan điểm đúng đắn, Đảng Cộng sản Việt Nam tập hợp được nhiều chức sắc và đông đảo quần chúng tín đồ tham gia vào cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Một ngày sau khi tuyên bố độc lập, ngày 3/9/1945, trong phiên họp Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, trong đó có đề cập đến vấn đề tôn giáo: “Vấn đề thứ ba: *Tất cả các công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tín ngưỡng, giòng giống*”; “Vấn đề thứ sáu: *Thực dân phong kiến thì hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị; Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương, Giáo đoàn kết*”(1).

Tinh thần trên được ghi trong Hiến pháp của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946: “*Nhân dân ta có quyền tự do tín ngưỡng*”. Điều 4 trong “*Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*” ghi: *Bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương và các cơ quan văn hoá xã hội khác... Chính quyền, quân đội, đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của đồng bào*(2).

Chính phủ của Nhà nước Việt Nam mới là một chính phủ của sự đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các tôn giáo. Chỉ riêng Công giáo có thể kể đến các nhân vật như: Nguyễn Mạnh Hà, Ngô Tử Hạ, Vũ Đình Tụng, Phạm Bá Trực. Đặc biệt, hai giám mục Hồ Ngọc Cẩn và Lê Hữu Từ được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm cố vấn cho Chính phủ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng niềm tin tôn giáo của mỗi tín đồ. Một linh mục Công giáo nhận xét: “*Các lời lẽ của Cụ (tức Hồ Chí Minh) phê phán giáo hội*

không bao giờ chạm đến khía cạnh đức tin, mà chỉ nằm ở phạm vi các vấn đề cơ chế và chính trị"⁽³⁾. Ông Xanh Toni, một người đại diện cho Chính phủ Pháp ở Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1947, khẳng định: "Về phần tôi, phải nói rằng chưa bao giờ tôi có cơ để nhận thấy nơi các chương trình của Cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào, dù rất nhỏ, của sự công kích, đả nghi hoặc chế giễu một tôn giáo bất kì nào"⁽⁴⁾.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, có một phần đóng góp quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân mà cốt lõi là do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện đoàn kết Lương - Giáo.

Hiệp định Giơnevơ được kí kết (20/7/1954), hoà bình được lập lại trên Miền Bắc Việt Nam. Không đầy một năm sau, Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo ngày 14/6/1955 đã được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban bố. Điều 1 của Sắc lệnh khẳng định: *Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.*

Thời kì 1954 - 1975, ở Miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước bảo đảm cho mọi sinh hoạt của tôn giáo diễn ra bình thường theo quy định của pháp luật. Các cơ sở tôn giáo được Nhà nước bảo hộ. Nhiều cơ sở thờ tự được Nhà nước xếp hạng di tích văn hoá. Không ít cơ sở tôn giáo bị chiến tranh huỷ diệt, chính quyền các cấp hỗ trợ tiền của dựng lại cho tín đồ, chức sắc, nhà tu hành có nơi sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng. Nhiều hầm hố được đắp đào cạnh cơ sở tôn giáo. Trong điều kiện phòng không sơ tán, Thánh lễ của đạo Công giáo được bảo đảm diễn ra bình thường. Tiếng chuông nhà thờ Công giáo vẫn ngân vang ở mỗi giáo đường.

Mùa xuân 1975, giải phóng Miền Nam, đất nước Việt Nam thống nhất. Vấn đề trên tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo của công dân, tinh thần Lương - Giáo đoàn kết được thực hiện trong cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn trước, song quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo thời kì này có những bước phát triển dài hơn trên tinh thần đổi mới toàn diện mà Đại hội Đảng toàn quốc lần VI (1986) khởi xướng. Điều này được thể hiện rất rõ nét trong Nghị quyết 24-NQ/TW ra ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo là: *Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.* Ngày 2/7/1998, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị 37-CT/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo được thể hiện rõ trong Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992: *"Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do, tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước"*⁽⁵⁾.

Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VIII, phần *Những nhiệm vụ cụ thể*, Điểm 8: *Chính sách văn hoá đối với tôn giáo ghi: Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của dân, đảm bảo cho các tôn giáo hoạt động bình thường trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.*

Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; Chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu⁽⁶⁾.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IX, có hẳn một Nghị quyết bàn về vấn đề dân tộc và tôn giáo (Nghị quyết Trung ương 7) còn gọi là *Nghị quyết 25, ngày 21/1/2003*. Tại văn bản này một lần nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định quan điểm về tín ngưỡng, tôn giáo:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tin thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng nhân dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là một bộ phận của khối đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật bình đẳng trước pháp luật.

- Đảng, Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn, phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng Tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín, dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động, chia rẽ dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo còn được thể hiện qua báo cáo chính trị của các kỳ Đại hội VIII, IX, X của Đảng. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, phần tôn giáo viết: *"Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Động viên giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân"*

3. Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước Việt Nam lần lượt ban hành các văn bản pháp quy để quản lý các hoạt động tôn giáo. Trước hết đó là Nghị định 69 ngày 21 tháng 3 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), quy định *Về các hoạt động tôn giáo*, là Nghị định số 26/1999/NĐCP *Về các hoạt động tôn giáo*. Và gần đây là *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, ban hành ngày 29/6/2004, có hiệu lực từ ngày 15/11/2004.

Việc ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo thể hiện một mốc quan trọng trong việc “thể chế hoá đường lối chủ trương chính sách của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng IX tháng 3 năm 2001 và những nội dung công tác tôn giáo được xác định trong Nghị quyết 25/NQ, ngày 12 tháng 3 năm 2003, nhất là các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết vấn đề tôn giáo ở nước ta trong thời kỳ mới.

Thứ hai, Pháp lệnh xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu rộng quá trình thực hiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực này; kế thừa Sắc lệnh 234/SL của Hồ Chủ tịch ngày 14/6/1955 về vấn đề tôn giáo; kế thừa và phát huy những quy phạm pháp luật đã được thực thi mang tính ổn định được xã hội thừa nhận; dẫn chiếu những quy định pháp luật mới nhất về các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Giáo dục, Luật Di sản Văn hoá).

Thứ ba, tính tương thích với luật pháp quốc tế, điều chỉnh lĩnh vực hoạt động tôn giáo và quyền con người, nhất là những điều ước mà Việt Nam đã tham gia kí kết và gia nhập⁽⁷⁾.

Như vậy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có những chuyển đổi quan trọng từ nhận thức đến chính sách đối với tôn giáo. Trước khi tiến hành công cuộc đổi mới, nhìn nhận về tôn giáo còn nặng về góc độ chính trị và xã hội. Góc nhìn chính trị là chủ yếu giới hạn trong việc các tôn giáo bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá Cách mạng Việt Nam. Góc nhìn xã hội chủ yếu ở góc độ tiêu cực, buồn thân, bán thánh, mê muội quần chúng tín đồ, dẫn dắt tín đồ vào mê lộ, thiếu ý chí, nghị lực vươn lên. Sở dĩ có cách nhìn như vậy vì ở Việt Nam các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá dân tộc Việt Nam. Và hiện tại xã hội Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, khoảng 75% cư dân còn sống ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, trình độ học vấn hạn chế, kéo theo đó là hạn chế về nhận thức xã hội trong đó có nhận thức về tôn giáo nên dễ bị những kẻ lợi dụng tôn giáo lôi kéo vào hoạt động phi tôn giáo, phản văn hoá.

Đến nay, từ nhận thức đến chính sách, đều nhìn tôn giáo đa chiều. Tôn giáo được nhìn nhận dưới góc độ tâm linh. Tôn giáo có vai trò trong văn hoá và phát triển.

Đây là một quá trình tìm tòi, khảo nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mục tiêu: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh*. Đây còn là quá trình áp dụng sáng tạo những tư tưởng tiến bộ của nhân loại trong quá trình hội nhập quốc tế đối với cách nhìn tôn giáo ở Việt Nam. Tư tưởng ấy được

tập trung rõ nét trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo mà Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo.

Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, do phù hợp nên đã và đang đi vào cuộc sống, tạo nên những thành quả thiết thực.

Các tôn giáo hoạt động bình thường, tin đồ chúc sức sống tốt đời đẹp đạo

Ngày 29 tháng 12 năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định 83/BT về việc cho phép thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Với Công giáo, từ ngày 24 tháng 4 đến ngày 1 tháng 5 năm 1980 tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội Giám mục toàn quốc nhóm họp, thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam. Từ đây Giáo hội Công giáo ở Việt Nam có một tổ chức đại diện cho mình. Từ năm 1995, Nhà nước Việt Nam lần lượt công nhận tư cách pháp nhân cho các Hội Thánh Cao Đài. *Mở đầu là công nhận tư cách pháp nhân của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên* ngày 29 tháng 7 năm 1995. Ngày 11 tháng 6 năm 1999, Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định số 21-QĐ/TGCP về việc chấp nhận tổ chức và hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hoà Hảo. Ngày 3/4/2001 tại Nhà thờ Tin Lành Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh), Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) long trọng tổ chức lễ đón nhận Quyết định của Ban Tôn giáo Chính phủ về việc công nhận tư cách pháp nhân.

Mối quan hệ giữa Nhà nước với các tôn giáo ở Việt Nam đã tìm được sự đồng thuận, gắn bó tôn giáo với xã hội (Đạo - Đời). Đây là mối quan hệ hỗ tương. Nhà nước tạo điều kiện cho tôn giáo, tôn giáo ổn định phát triển và đồng hành cùng dân tộc. Phương châm hành đạo của các tôn giáo đã phản ánh rõ điều đó. Phật giáo: *Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội*. Công giáo: *Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*. Tin Lành: *Sống phúc âm, phục vụ Thiên chúa, Phục vụ Tổ quốc*. Cao Đài: *Nước vinh, Đạo sáng*. Hoà Hảo: *Phụng đạo yêu nước, gắn bó với Dân tộc*.

Lấy Phật giáo làm một trường hợp dẫn chứng. Kể từ ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (11/1981), hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang ở nhiệm kỳ V (2002 - 2007).

Trong 4 nhiệm kỳ đầu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chính thức tấn phong cho 1.316 Tăng Ni gồm 231 Hoà thượng, 123 Ni trưởng, 544 Thượng toạ, 418 Ni sư.

Đào tạo Tăng tài là công việc thường xuyên và liên tục nối tiếp truyền thống, đã đào luyện những thiên sư uyên thâm làm rường cột cho Giáo hội.

Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 4 học viện Phật giáo (Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ) đào tạo trình độ cử nhân. Các trường Cao đẳng Phật học (Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Lâm Đồng, Hà Nội) đi vào hoạt động có hiệu quả. Giáo hội hiện có 30 trường Trung cấp Phật học với 3.000 Tăng Ni sinh theo học. Hầu hết các tỉnh đều mở lớp Sơ cấp Phật học phổ cập kiến thức căn bản Phật giáo và tạo nguồn tuyển sinh cho các cấp học cao hơn.

Với Phật giáo Nam Tông Khmer, Giáo hội mở lớp sơ cấp và Pali tại Kiên Giang và Sóc Trăng có 2.500 Tăng sinh. Lớp cao cấp Phật học Pali tại Trà Vinh có 500 Tăng sinh. Tổng cộng 3.000 chư tăng Khmer theo học. Các chùa Khmer đều mở lớp dạy bổ túc văn hoá.

Trên lĩnh vực văn hoá: có Tuần báo *Giác Ngộ*, Nguyệt san *Giác Ngộ*, Tạp chí *Văn hóa Phật giáo* và Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*.

Hơn hai mươi năm qua, hàng trăm cơ sở tự viện, tổ đình danh lam thắng cảnh được làm mới, hay sửa chữa tôn tạo. Có 257 tự viện được Bộ Văn hoá Thông tin cấp bằng công nhận di tích lịch sử quốc gia.

Từ thiện xã hội là hoạt động tích cực và có hiệu quả của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trên toàn quốc hiện có 25 Tuệ Tĩnh đường, 655 phòng thuốc chẩn trị y học dân tộc khám chữa bệnh và phát thuốc trị giá 13 tỉ đồng. Cả nước có 165 lớp học tình thương với 647 em theo học, 16 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nhà nuôi trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật.

Khi đất nước xảy ra thiên tai, lụt lội, dưới sự chỉ đạo của Giáo hội, các Tỉnh, Thành hội Phật giáo nỗ lực vận động tài chính, phẩm vật, tổng trị giá hàng chục tỉ đồng.

Dưới sự lãnh đạo của Giáo hội Trung ương, Tăng Ni Phật tử hoàn thành tốt các phong trào ích nước lợi dân, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh trên địa bàn dân cư. Tăng Ni, Phật tử tham gia vào các tổ chức quyền lực nhà nước như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tham gia Mặt trận Tổ quốc các cấp.

Có thể kể những tấm gương tiêu biểu như Cố Hoà thượng Thích Đức Nhuận, Thích Thiện Hào được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh; Cố Hoà thượng Thích Thiện Siêu, Thích Thuận Đức, Kim Cương Tử được tặng thưởng Huân chương Độc lập. Cố Hoà thượng Thích Định Quang được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; Hoà thượng Thích Minh Châu được tặng Huân chương Độc lập; Hoà thượng Thích Thanh Tứ được Nhà nước tặng kỉ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy...

Trên lĩnh vực chính trị, Giáo hội đã chủ động đấu tranh ngăn chặn những hoạt động lợi dụng Phật giáo để phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đấu tranh với những hoạt động sai trái đi ngược lại đạo pháp, đi ngược lại lợi ích dân tộc.

Các tôn giáo ở Việt Nam hoạt động nhập thế ngày càng mang tính rõ nét. Chức sắc, nhà tu hành tham gia vào các cơ quan quyền lực của Nhà nước: Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Đây là sự nối tiếp truyền thống tham gia chính sự của tôn giáo Việt Nam.

Đó còn là những hoạt động tham gia xoá đói giảm nghèo, sinh đẻ có kế hoạch, khám chữa bệnh từ thiện, mở lớp học tình thương... của giáo hội các tôn giáo. Những việc làm trên góp phần chia sẻ gánh nặng cho đất nước. Và cũng là biểu hiện của phương châm "*Sống tốt Đời đẹp Đạo*" của các tôn giáo Việt Nam.

Bảo tồn, phát huy, khai thác những giá trị văn hoá tôn giáo phục vụ cho việc phát triển đất nước

Tôn giáo là thành tố của văn hoá, giữa tôn giáo và văn hoá có mối liên hệ hữu cơ bên trong. Tôn giáo có vai trò trong văn hoá và phát triển ở Việt Nam. Chính vì

vậy mà việc bảo tồn, phát huy, khai thác những giá trị văn hoá tôn giáo phục vụ cho việc phát triển đất nước luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm.

Số liệu từ các cơ quan chức năng cho biết với 14 tổ chức tôn giáo đang có tư cách pháp nhân hoạt động tại Việt Nam có trên 22.000 cơ sở thờ tự. Đây là chưa kể trên đất nước ta còn đang hiện diện hàng trăm cơ sở tín ngưỡng dân gian như đình, đền, miếu phủ... Trong hàng vạn cơ sở thờ tự của các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian có hàng nghìn cơ sở đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá. Những cơ sở thờ tự này cùng với những đối tượng thờ cúng (tranh, tượng, tự khí) đã và đang được bảo tồn chu đáo, vì chúng được xếp vào di sản quốc gia.

Những giá trị văn hoá đạo đức như "*Tích đức hành thiện*", "*Thương người như thể thương thân*" của các tôn giáo ở Việt Nam giờ đây trong điều kiện mới càng có dịp thể hiện và phát huy.

Lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo được phục hưng làm sống động trở lại nhiều giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể như: hát hò, trò, tích... quen gọi là các hình thức diễn xướng. Hình thức văn hoá tôn giáo cổ kết cộng đồng này đã và đang có vai trò quan trọng khi mà làng xã Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Như vậy, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo là nhất quán. Tuy nhiên trong từng thời kỳ lịch sử và trong xu thế hội nhập quốc tế, quan điểm, đường lối và chính sách có những chuyển đổi cho phù hợp. Đây là lẽ vận động tất yếu. Các tôn giáo ở Việt Nam đã và đang hoạt động trong khuôn khổ chính sách của Nhà nước. Với phương châm nhập thế, các tôn giáo đều tích cực tham gia vào các lĩnh vực chính trị - văn hoá - xã hội theo phương châm *Sống tốt Đời đẹp Đạo*. Những giá trị văn hoá tôn giáo đã và đang được Nhà nước Việt Nam huy động vào việc xây dựng, phát triển đất nước nhằm tới mục đích cao cả là xây dựng đất nước Việt Nam: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh*(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3/2007.

1. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập III. Nxb Sự thật. Hà Nội 1984, tr.7.
2. Hồ Chí Minh. *Biên niên tiểu sử*. Tập V. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1995, tr.266.
3. Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và Lưỡi gươm*. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh 1988, tr.78.
4. Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và Lưỡi gươm*, sdd, tr. 80.
5. *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 1992*. Hà Nội 1992, tr.36.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Khóa VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1998, tr. 66-67.
7. Bùi Đức Luận. *Vài nhận thức trong quá trình xây dựng Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4/2004.